TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 01 – 2024
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR,TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hà
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 400/2023/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*
Địa chỉ: Tổ C, thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1976 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*
Địa chỉ: Tổ C, thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau. Từ năm 2018 đến nay bà H và ông L không chung sống với nhau nữa, nay bà H yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà H và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông L có 04 con chung, là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 26/6/1996 và cháu Nguyễn Thị O, sinh ngày 02/4/1999, Nguyễn Thị H1, sinh

ngày 09/8/2004 và Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 09/10/2013 cả bốn cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay 03 cháu T, O, H1 đã trưởng thành và đi làm có thu nhập nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng các cháu. Cháu Nguyễn Ngọc Gia N do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyện vọng của bà H là được nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tố tụng ông Nguyễn Bá L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung ông L đồng ý với lời khai của bà Nguyễn Thị H.

Việc bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà H và ông L là vợ chồng thì ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung, các cháu Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị H1 đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Ngọc Gia N, sinh năm 2013 đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông L đồng ý giao cháu N chi bà H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bá L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 09/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bá L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên việc chung sống giữa bà H và ông L không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng. Vì vậy việc bà H làm đơn yêu cầu Toà án không công nhận bà và ông L là vợ chồng là phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông L có 04 con chung, là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 26/6/1996 và cháu Nguyễn Thị O, sinh ngày 02/4/1999, Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/8/2004 và Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 09/10/2013. Hiện nay 03 cháu T, O, H1 đã trưởng thành và đi làm có thu nhập nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng 03 cháu. Cháu Nguyễn Ngọc Gia N do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Qúa trình tố tụng bà H và ông L đều trình bày thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Gia N cho bà H nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của cháu N là được ở với bà H, cũng như điều kiện để chăm sóc con chung thì Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bá L là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 09/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014719 ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã EaKuêh;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA